

CÁC LOÀI BÒ SÁT CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

■ Nguyễn Xuân Khoa, Nguyễn Thị Quỳnh Nga Nguyễn Thị Ý Nhi
Đại học Y khoa Vinh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghệ An thuộc miền Trung Việt Nam, một vùng được xem như là trung tâm của các loài đặc hữu, đa dạng sinh học cao nhưng việc bảo vệ nguồn lợi tự nhiên ở đây đang chịu áp lực lớn do sự gia tăng dân số, vì vậy khu vực này cần được ưu tiên về công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu. Nghệ An là nơi có diện tích rừng nguyên sinh lớn nhất còn sót lại của dải Trường Sơn và là nơi hội tụ của nhiều loài sinh vật hoang dã. Mặc dù đã có một số tác giả tiến hành điều tra động vật tại khu vực này nhưng cho đến nay vẫn chưa có một danh mục đầy đủ về các loài động vật có giá trị bảo tồn cho tỉnh Nghệ An. Vì vậy, tiến hành điều tra chi tiết nhằm xây dựng danh lục các loài bò sát có giá trị bảo tồn ở Nghệ An có ý nghĩa cần thiết.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thời gian tiến hành nghiên cứu thực địa tiến hành trong 15 tháng: từ tháng 8/2019 - 12/2020, vào các thời điểm khác nhau.

- Phương pháp nghiên cứu:

Thu mẫu bằng lưới và vợt hoặc từ người dân địa phương. Mẫu vật được xử lý trực tiếp tại thực địa bằng dung dịch formalin 8-10%. Sau đó mẫu vật được bảo quản bằng dung dịch formalin 4-5% hoặc cồn 90%. Các mẫu được ghi nhãn để trong xô nhựa hoặc các túi polietilen để vận chuyển.

Đo đếm các đặc điểm hình thái phân loại theo: Bourret R., 1942, 1943; Banikov A.G., 1977; Manthey U và Grossmann W., 1997; Đào Văn Tiến, 1977, 1979, 1981, 1982. Các chỉ tiêu hình thái được đo bằng thước kẹp điện tử có độ chính xác đến 0,01mm.

Định loại dựa vào các tài liệu: Bourret R., 1942, 1943; Banikov A.G., 1977; Manthey U. Và Grossmann W., 1997; Đào Văn Tiến, 1977, 1979, 1981, 1982.

Tra cứu tình trạng bảo tồn của các loài theo Sách Đỏ Việt Nam, 2007 [1] và Danh lục Đỏ IUCN, 2020 (Online phiên bản truy cập ngày 12/6/2020 [10]).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Dựa trên các mẫu vật và tài liệu, chúng tôi đã tổng hợp được danh lục gồm 67 loài bò sát có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007, Danh lục IUCN cập nhật 12/06/2020 (Bảng 1).

Bảng 1. Danh lục các loài bò sát có giá trị bảo tồn trên địa bàn tỉnh Nghệ An

TT	Tên Việt nam	Tên khoa học	Mức độ phổ biến	Địa điểm	SĐ 2007	IUCN 2014
1	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus,1758)	+	1,2,3,4,5,7,11, 20, 21,22	VU	
2	Rồng đất	<i>Physignatus cocincinus</i> M (Cuvier,1829)	+++	1	VU	
3	Nhông cát rivo	<i>Leiolepis reevesii</i> (Gray,1831)	+	8,9,10,19	VU	
4	Liu điu chỉ	<i>Takydromus sexlineatus</i> Daudin, 1802	++	1		LC
5	Thằn lằn rắn hác	<i>Ophisaurus harti</i> Boulenger, 1899	+++	20		LC
6	Thằn lằn bay	<i>Draco maculatus</i> (Gray, 1845)	+++	1		LC
7	Ô rô vảy	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	++	1		LC
8	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus</i> (Gray,1831)	++	1,2,3,5,11	EN	LC
9	Kỳ đà nước	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1768)	++	1,2,3,5,11,17	EN	LC
10	Trăn đất	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	++	1,2,3, 5,11,17	CR	NT
11	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i> (Schneider,1801)	++	1,5	CR	LC
12	Rắn mỏng	<i>Xenopeltis unicolor</i> Reinwardt in Boie, 1827	+	18,19,20		LC
13	Rắn roi thường	<i>Ahaetulla prasina</i> (Boie, 1827)	+	1,19,20,16		LC
14	Rắn rào đốm	<i>Boiga multomaculata</i> (Boie, 1827)	++	1,16		NT
15	Rắn rào thái dương	<i>Boiga multomaculata</i> (Boie, 1827)	++	1		NT
16	Rắn leo mắt	<i>Dendrelaphis subocularis</i> (Boulenger, 1888)	++	1		LC
17	Rắn roi dài loan	<i>Dendrelaphis formosus</i> (Boie, 1927)	+++	1		LC
18	Rắn má	<i>Fimbrios klossi</i> Smith, 1920	+++	1		LC
19	Rắn sọc xanh	<i>Elaphe prasina</i> (Blyth,1854)	+++	1	VU	
20	Rắn sọc khoanh	<i>Orthriophis moellendorffii</i> (Boettger,1886)	+++	1	VU	
21	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiata</i> (Schlegel,1837)	+	1,2,3	VU	
22	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel,1837)	+	1,2,3,5,7,11 20,21,22,23	EN	
23	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus,1758)	+	1,2,3,4,5,11,20	EN	
24	Rắn mai gấm lát	<i>Calamaria pavimentata</i> Duménil, Bibron& Duménil, 1854	++	16		LC
25	Rắn bông trung hoa	<i>Enhydris chinensis</i> (Gray, 1842)	++	1,18		LC
26	Rắn bông chì	<i>Enhydris plumbea</i> (Boie, 1827)	++	16,18		LC
27	Rắn khiếm trung quốc	<i>Oligodon chinensis</i> (Günther, 1888)	++	16		LC
28	Rắn khiếm xám	<i>Oligodon cinereus</i> (Günther, 1864)	+++	20		LC
29	Rắn khiếm vạch	<i>Oligodon taeniatus</i> (Günther, 1861)	+++	19		LC
30	Rắn khiếm đuôi vòng	<i>Oligodon cyclurus</i> (Cantor, 1839)	++	1		LC
31	Rắn khuyết lão	<i>Lycodon laoensis</i> Günther, 1864	++	1		LC
32	Rắn hổ mây đốm	<i>Pareas margaritophorus</i> (Jan, 1866)	++	4		LC
33	Rắn hổ mây ham ton	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)	++	4		LC

HOẠT ĐỘNG KH-CN

34	Rắn hổ xiên tre	<i>Pseudoxenodon bambusicola</i> Vogt, 1922	+	1		LC
35	Rắn hoa cỏ vàng	<i>Rhabdophis chrysargos</i> (Schlegel, 1837)	+	16,10,18		LC
36	Rắn hoa cỏ cỏ đỏ	<i>Rhabdophis subminiatus</i> Schlegel, 1837)	+	1,20		LC
37	Rắn hoa cân vân đen	<i>Sinonatrix percarinata</i> (Boulenger, 1899)	+++	1,20		LC
38	Rắn hổ núi	<i>Plagiopholis nuchalis</i> (Boulenger, 1893)	++	20		LC
39	Rắn lục cườm	<i>Protobothrops mucroquamatus</i> Cantor,1839)	+++	20		LC
40	Rắn lục xanh	<i>Trimeresurus stejnegeri</i> Schmidt, 1925	+++	20		LC
41	Rắn lục mép trắng	<i>Cryptelytrops albolabris</i> (Gray, 1842)	+++	1		LC
42	Rắn lục cườm	<i>Protobothrops mucrosquamatus</i> (Cantor, 1839)	+++	1		LC
43	Rắn cạp nia	<i>Bungarus multicinctus</i> Blyth, 1861	+	1,2,3,4,17		LC
44	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	+	1,2,3,16,17,22	EN	LC
45	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i> (Linnaeus, 1758)	++	1,2,3,7,23	EN	VU
46	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	++	1,2,3,7	CR	VU
47	Đền cạp nong	<i>Hydrophis fasciatus</i> (Schneider, 1799)	++	8,9,10		LC
48	Đền đuôi sọc	<i>Hydrophis ornatus</i> (Gray, 1842)	++	8,9,10		LC
49	Đền đuôi đốm	<i>Pelamis platura</i> (Linnaeus, 1766)	++	8,9,10		LC
50	Rùa câm	<i>Mauremys mutica</i> (Cantor, 1842)	++	1		EN
51	Rùa đất sê phôn	<i>Cyclemys dentata</i> (Gray, 1831)	++	1		NT
52	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i> Gray,1831	++	1,20	EN	EN
53	Rùa đất splenge	<i>Geoemyda spengleri</i> (GmĐlin, 1789)	++	1		EN
54	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i> (Siebenrock, 1903)	+++	1		EN
55	Rùa hộp trán vàng	<i>Cuora galbinifrons</i> (Bourret,1939)	+++	1	EN	CR
56	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i> (Bell,1825)	+++	1	CR	CR
57	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i> (Gunther,1882)	++	1	VU	VU
58	Rùa cổ sọc	<i>Ocadia sinensis</i> (Gray,1834)	++	1		EN
59	Giải	<i>Pelochelys cantorii</i> Gray, 1864	++	1	EN	EN
60	Rùa sa nhân	<i>Pyxidea mouhotii</i> (Gray, 1862)	++	1,20		EN
61	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i> (Blyth,1853)	+++	1,2,3,4,5,17,20	EN	EN
62	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i> Gray,1860	++	1	VU	VU
63	Cua đing	<i>Amyda cartilaginea</i>	+++	1,2,3	VU	VU
64	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i> (Siebenrock,1906)	++	1,5,17	VU	EN
65	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann, 1835)	++	1		VU
66	Vích	<i>Chelonia mydas</i> (Linnaeus,1758)	+++	6	EN	EN

Ghi chú: 1- Pù Mát, 2- Pù Huống, 3- Pù Hoạt, 4- Trương Dương, 5- Quỳ Hợp, 6- Biển ven bờ, 7- Rừng ngập mặn và cửa sông, 8- Quỳnh Lưu, 9- Diễn Châu, 10- Nghi Lộc, 11- Quỳ Châu, 12- Quế Phong, 13- Yên Thành, 14- Đô Lương, 15- Anh Sơn, 16- Tân Kỳ, 17- Nam Đàn, 18- Hưng Nguyên, 19- Vinh, 20- Kỳ Sơn, 21- Cửa Hội, 22- Cửa Lò, 23- Lạch Quèn*, 24- Lạch Vạn*, 25- Lạch Thơi, 26- Lạch Nghi Yên*.

EX: Tuyệt chủng, EW: Tuyệt chủng ngoài tự nhiên; CR: Rất nguy cấp; EN: Nguy cấp; VU: Gần nguy cấp; NT: Gần bị đe dọa; LC (LR): Ít quan tâm; DD: Thiếu dẫn liệu.



Rùa sa nhân (*Pyxidea mouhoti*)



Rồng đất (*Physignathus cocincinus*)

Như vậy, cho đến nay, trên địa bàn Nghệ An đã ghi nhận 66 loài bò sát có giá trị bảo tồn. Trong số này có 58 loài có tên trong danh lục IUCN gồm 10 loài cấp độ EN; 6 loài ở cấp độ VU; 2 loài cấp độ CR; 4 loài cấp độ NT; 36 loài cấp độ LC.

Có 25 loài được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007 gồm: 4 loài cấp độ CR; 11 loài cấp độ EN; 10 loài cấp độ VU.

Có 37 loài bò sát có giá trị bảo tồn chỉ mới tìm thấy ở 1 địa điểm nghiên cứu; 8 loài được tìm thấy ở 2 địa điểm nghiên cứu, 21 loài có ở nhiều địa điểm nghiên cứu.

Có 60 loài thấy ở khu vực miền núi, 4 loài ở

khu vực trung du và khu vực ven biển có 2 loài.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã ghi nhận:

1. Tại Nghệ An có 66 loài bò sát có giá trị bảo tồn, trong đó có 58 loài có trong Danh lục IUCN, 25 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam 2007.

2. Tại Nghệ An có nhiều loài bò sát có giá trị bảo tồn cao: Danh lục IUCN có 12 loài, Sách Đỏ Việt Nam có 24 loài.

3. Các loài bò sát có giá trị bảo tồn cao ở Nghệ An chủ yếu tập trung ở khu vực miền núi với 60 loài.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, *Sách Đỏ Việt Nam (Phần Động vật)*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công Nghệ, tr. 277-372, 2007.
2. Cục Bản đồ, Bộ Quốc phòng, *Tập bản đồ UTM*, tờ số 5947-6047, 1998.
3. Bourret R., *Les Batraciens de l'Indochine*, Mem. Inst. Ocean - Indoch, Hanoi, 1942, pp. 517.
4. Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo, Cao Tiến Trung, Kết quả điều tra sơ bộ các loại ếch nhái và bò sát ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, tỉnh Nghệ An, *Tạp chí Sinh học*, Hà Nội, Tập 27, số 4A (2005), tr. 109-116.
5. Hoàng Xuân Quang và cs., *Bảo vệ đa dạng động vật có xương sống (cá, lưỡng cư, bò sát) hệ sinh thái rừng khu vực Tây Bắc Nghệ An*, Đề tài KHCN cấp Bộ, Mã số B 2005-42-84, Vinh, 2006.
6. Hoang Xuan Quang et al., Description of a new species of the genus *Cyrtodactylus* Gray, 1827 (Squamata: Sauria: Gekkonidae) from the karst of North central Vietnam, *Russian Journal of Herpetology*, Folium Publishing Company, Vol. 14, No. 2, 2007, pp. 98-106.
7. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường, *Danh lục Bò sát và ếch nhái Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2005.
8. Smith M. A., *The Fauna of British India, Ceylon and Burma, including the whole of the Indo-Chinese subregion*, Reptilia and Amphibia, Vol. 3 - Serpents, London, 1943.
9. Taylor E. H., The Lizards of Thailand, *The University of Kansas Science Bulletin*, Vol. XLIV, No. 14, 1963.
10. <http://www.iucnredlist.org>.